

HOSE

16/04/2014

 VNINDEX 574.29 **-11.80** **-2.01%**

 KLGD 149,242,265 CP
 GTGD 2,476.20 Tỷ
 GTR NDTNN 143.68 Tỷ

 CP Tăng giá 48 CP
 CP Giảm giá 197 CP
 CP Đứng giá 59 CP


HNX

16/4/2014

 HNXINDEX 82.62 **-1.72** **-2.04%**

 KLGD 94,638,510 CP
 GTGD 1,003.46 Tỷ
 GTR NDTNN 28.67 Tỷ

 CP Tăng giá 49 CP
 CP Giảm giá 219 CP
 CP Đứng giá 111 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 634.76 **-12.98** **-2.00%**
 HNX30 168.70 **-4.96** **-2.86%**

Tâm điểm

- ▶ **Lao dốc mạnh, chỉ số 2 sàn phá vỡ đường bollinger bands phía dưới**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục gia tăng**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 3,500 tỷ đồng.
- ▶ **3 tháng đầu năm chính thức xuất siêu hơn 1.08 tỷ USD**
Theo số liệu Thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan
Thời báo ngân hàng
- ▶ **VAMC giảm lãi suất cho các khoản nợ xấu**
Được biết, trong quý I/2014, VAMC đã mua 3,929 tỷ đồng nợ xấu
Diễn đàn Đầu tư
- ▶ **Đo lường GDP Trung Quốc cho thấy suy giảm kinh tế nước này trầm trọng hơn**
Dự báo GDP cả năm của Trung Quốc giảm xuống 7.3% từ mức 7.7% trước đó
Bloomberg
- ▶ **PHR: Quý I/2014, lãi ròng hơn 60 tỷ đồng**
Quý II/2-14, PHR đặt mục tiêu doanh thu 258 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **SC5: Trình kế hoạch 2014 với LNTT giảm 40%**
Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2014 ước đạt 43.5 tỷ
Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,032,373	14.1	3.2	22.8%	11.5%
HNX	133,054	19.0	1.6	8.6%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,165,427	14.9	3.1	22.0%	10.9%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,597	6.7	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,885	7.2	1.6	23.7%	17.2%
Thép và sản phẩm thép	35,489	19.0	2.0	17.5%	7.1%
Khai khoáng	12,366	47.7	4.9	3.0%	2.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,649	21.6	1.5	17.0%	9.0%
Xây dựng	32,595	59.9	1.2	0.2%	1.3%
Máy công nghiệp	8,741	7.6	1.4	19.3%	13.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,539	11.8	1.5	17.3%	12.7%
Lốp xe	6,971	8.7	2.4	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,720	14.7	1.3	11.7%	5.8%
Thực phẩm	211,464	23.6	5.6	24.6%	18.4%
Dược phẩm	16,294	13.4	3.5	26.5%	17.2%
Phần mềm	19,724	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	22,924	7.6	1.2	18.4%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	182,585	14.0	5.2	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,784	25.3	2.4	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	27,564	25.7	1.6	7.0%	5.1%
Ngân hàng	258,897	11.5	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	144,817	13.1	2.6	30.2%	6.5%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,056	9.6	2.0	21.7%	8.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

3 tháng đầu năm chính thức xuất siêu hơn 1.08 tỷ USD

VAMC giảm lãi suất cho các khoản nợ xấu

Đo lường GDP Trung Quốc cho thấy suy giảm kinh tế nước này trầm trọng hơn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PXS: Quý I/2014, đạt 20.8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế

PHR: Quý I/2014, lãi ròng hơn 60 tỷ đồng

SC5: Trình kế hoạch 2014 với LNTT giảm 40%

► Tin kinh tế

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong kỳ 2 của tháng 3 (từ 16-31/3) tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước đạt 6.614 tỷ USD, tăng 14.8% so với cùng kỳ năm trước; trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 6.536 tỷ USD, tăng 12.8%. Lũy kế 3 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước đạt gần 33.536 tỷ USD; trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 32.452 tỷ USD. Như vậy, trong kỳ 2 của tháng 3, cán cân thương mại hàng hóa của cả nước tiếp tục thặng dư 75 triệu USD. Tính chung trong quý 1/2014, cán cân thương mại hàng hóa của cả nước thặng dư tới hơn 1.08 tỷ USD.

VAMC thông báo điều chỉnh lãi suất các khoản nợ xấu đã mua với 10.7%/năm đối với loại tiền VND; 5.2% với loại tiền USD và 5.7% với loại tiền EUR. Mức lãi suất trên đây được áp dụng đối với các khoản nợ xấu được VAMC chấp thuận điều chỉnh lãi suất trong QII.2014 (từ ngày 15-4-2014 đến ngày 30-6-2014). Được biết, trong quý I/2014, VAMC đã mua 3,929 tỷ đồng nợ xấu, với giá 3,048 tỷ đồng. Con số này thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra ban đầu là 10,000 tỷ đồng. Tổng cộng, sau 6 tháng kể từ khi mua món nợ đầu tiên, VAMC đã mua gần 43,000 tỷ đồng nợ xấu, tổng giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành đạt 35,448 tỷ đồng. Tuy nhiên, số nợ đã được xử lý rất thấp.

GDP Trung Quốc tăng 1.5% quý I/2014 so với mức tăng 1.8% quý IV/2013. Mức tăng chậm lại này đã là mất nhịp tăng trưởng nước này, làm dự báo GDP cả năm của Trung Quốc giảm xuống 7.3% từ mức 7.7% trước đó. Ngân hàng trung ương Trung Quốc cho biết tín dụng mới đã giảm 19% so cùng kỳ năm trước trong lúc chỉ số chứng khoán Thượng Hải giảm 1.4% so đầu năm nay

► Tin doanh nghiệp

CTCP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (HOSE: PXS) cho biết, quý I/2014, Công ty đạt doanh thu 357 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 20.8 tỷ đồng, tăng gần 300% so với cùng kỳ năm 2013. Được biết, công ty vừa được giao gói mua sắm, thiết kế thi công, chế tạo, hạ thủy, chằng buộc Chân đế H5 - Giàn đầu giếng mỏ Tê Giác Trắng với giá trị gói thầu khoảng 184.8 tỷ đồng, tương đương 8.7 triệu USD. Năm nay, PXS dự kiến triển khai một số dự án như Dự án P3/P4 trị giá khoảng 600 tỷ đồng, Dự án Chân đế Thái Bình và Dự án Hàm Rồng có tổng giá trị hơn 950 tỷ đồng, Dự án H5 trị giá khoảng 169 tỷ đồng.

CTCP Cao su Phước Hòa (mã PHR – HOSE) công bố Nghị quyết HĐQT. Theo đó, HĐQT PHR đã thông qua kết quả kinh doanh quý I/2014 với tổng doanh thu 377.06 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 60.21 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 24.87% và 28.5% kế hoạch năm. Năm 2014, PHR đặt mục tiêu doanh thu 1,516 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 211.27 tỷ đồng. Trong quý II, PHR đặt mục tiêu doanh thu 258 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng. Bên cạnh đó, HĐQT PHR còn thông qua việc chi trả cổ tức đợt II/2013, với tỷ lệ 15%, thực hiện chậm nhất trong tháng 6/2014.

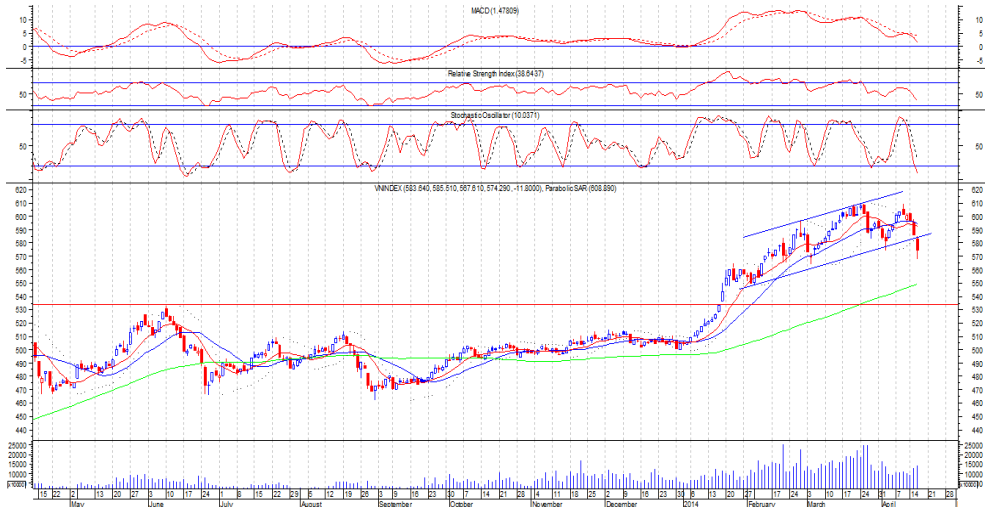
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (HOSE: SC5) công bố các tờ trình trong ĐHCĐ năm 2014. Được biết, năm 2013, SC5 đạt 72.2 tỷ lợi nhuận trước thuế và 53.7 tỷ lợi nhuận sau thuế - tăng 517% so với năm 2012 nhờ khoản lợi nhuận khác trị giá 102.5 tỷ. Trên cơ sở kết quả kinh doanh của năm 2013, HĐQT trình kế hoạch năm 2014 với tổng sản lượng sản xuất kinh doanh là 1,300 tỷ đồng trong đó giá trị xây lắp là 990 tỷ, giá trị kinh doanh nhà là 280 tỷ và giá trị kinh doanh khác là 30 tỷ. Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2014 ước đạt 43.5 tỷ - giảm 40% so với năm trước do không còn khoản thu nhập khác đột biến. Tỷ lệ cổ tức dự kiến vẫn là 20%.

HOSE 16/04/2014 VNINDEX 574.29 -11.80 -2.01% 149,242,265 CP 2,476.20 bil VND

Lao dốc mạnh chỉ số 2 sàn phá vỡ đường Bollinger Bands phía dưới

VN-Index giảm 11.80 điểm (-2.01%), đóng cửa tại mức 574.29 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index giảm điểm tương đối mạnh, đóng cửa ở mức tương đương với dải dưới Bollinger Bands.

- MACD tiếp tục lao dốc mạnh, tăng khả năng cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh. Đi sâu vào vùng quá bán.
- RSI giảm mạnh xuống mức 38.
- Parabolic SAR cho tín hiệu bán ra.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.4 (-4.3%)	14,210,020
FLC	-1 (-6.9%)	12,721,580
SSI	-0.6 (-2.1%)	6,338,890
HAG	-0.9 (-3.3%)	4,180,050
OGC	-0.7 (-5.8%)	4,136,160

HOSE Top 5 theo % tăng

CMX	0.4 (6.9%)	966,060
KAC	0.7 (6.9%)	3,510
LM8	1.4 (6.8%)	5,210
ASIAGF	0.6 (6.7%)	100
TIC	0.7 (6.4%)	34,010

HOSE Top 5 theo % giảm

PET	-1.4 (-7.0%)	1,170,380
IDI	-1 (-7.0%)	1,188,290
SFC	-1.3 (-7.0%)	1,010
AGR	-0.6 (-7.0%)	1,655,180
FLC	-1 (-6.9%)	12,721,580

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	19,9 tỷ	217,350
HPG	15,4 tỷ	289,190
VCB	11,1 tỷ	377,170
KBC	9,7 tỷ	822,810
MSN	7,7 tỷ	81,120

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PET	-9,0 tỷ	479,380
HCM	-4,4 tỷ	119,610
PVD	-4,3 tỷ	53,390
TTP	-2,9 tỷ	93,000
NTL	-1,1 tỷ	68,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	6,640,450	143.68

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán lan rộng, đà bán tháo xuất hiện ở nhiều mã cổ phiếu. VN-Index có thời điểm mất hơn 3%, dù vậy thì cuối phiên chỉ số này có thu hẹp đà giảm.
- ▶ Khối lượng giao dịch gia tăng đáng kể, đạt 143 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn bình quân 20 phiên.
- ▶ VN-Index đã chạm đường Bollinger Bands dưới và về vùng hỗ trợ tương đối mạnh của thị trường. Nhiều khả năng thị trường hồi phục nhẹ trở lại ở những phiên tới.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 143 tỷ trong phiên hôm nay. Đà bán ròng có thể diễn ra nhưng nhiều khả năng không tác động quá xấu tới TT.
- ▶ Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Việc mua mới chỉ dành cho nhà đầu tư ưa mạo hiểm và tập trung vào các mã có yếu tố cơ bản tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	90.5	171,497.50	14.3	5.3	40.6%	25.7%
VNM	833.4	141.0	117,515.08	18.0	6.7	39.6%	30.7%
MSN	734.9	94.5	69,449.12	150.3	4.9	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	29.4	68,132.06	16.0	1.6	10.4%	1.0%
VIC	908.8	66.0	59,978.33	9.2	4.3	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	16.0	59,574.47	8.9	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.0	44,979.24	10.7	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	40.4	27,491.05	25.3	2.4	9.4%	2.3%
HPG	419.1	54.0	22,628.84	11.7	2.4	22.2%	9.3%
PVD	275.3	81.5	22,433.54	11.1	2.3	22.4%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

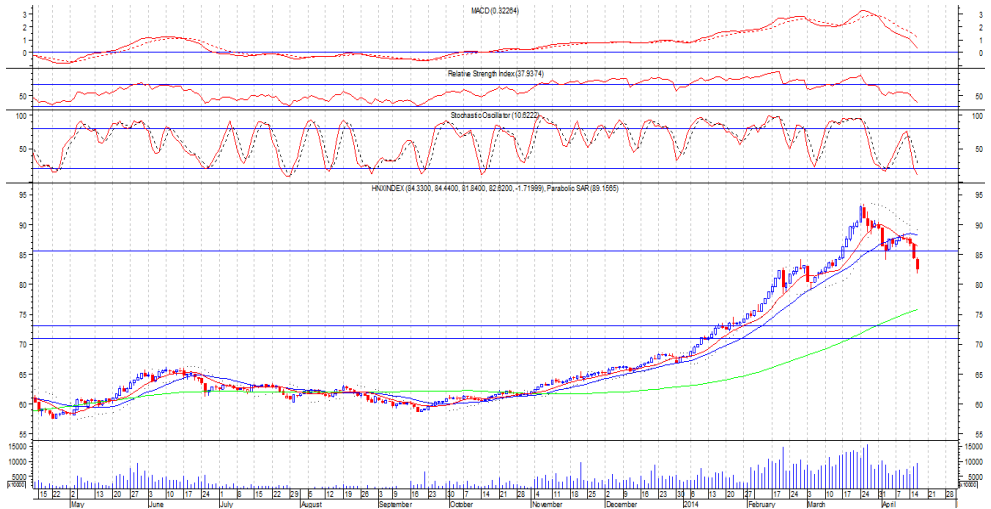
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.6	3,395.96	14.7	1.3	NA	TH.DOI
FPT	275.1	69.0	18,983.24	12.0	2.7	NA	TH.DOI
CII	112.9	26.9	3,035.97	35.8	1.9	NA	TH.DOI
BMP	45.5	79.0	3,592.80	9.8	2.4	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.6	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	22.2	612.94	2.2	0.9	NA	TH.DOI

HNX 16/04/2014 HNX-Index 82.62 -1.72 -2.04% 94,638,510 CP 1,003.46 bil. VND

Lao dốc mạnh chỉ số 2 sàn phá vỡ đường Bollinger Bands phía dưới

Chỉ số HNX-Index giảm 1.72 điểm (-2.04%), đóng cửa tại mốc 82.62 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm mạnh và đóng cửa ở mức thấp trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc về vùng quá bán.
- MACD cắt đường tín hiệu và tiếp tục lao dốc tăng khả năng cắt đường zero - base.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 37.
- ADX tiếp tục sụt giảm.
- Các chỉ báo kỹ thuật HNX-Index đang khá xấu.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.5 (-8.5%)	13,441,370
KLS	-1.1 (-8.3%)	10,366,420
SHB	-0.2 (-1.9%)	10,031,410
SCR	-0.4 (-4.1%)	6,826,640
PVS	-0.9 (-3.2%)	3,512,350

HNX Top 5 theo % tăng

LBE	1.1 (9.3%)	200
KSK	1.2 (9.2%)	433,800
HCT	0.9 (9.1%)	1,100
LCD	0.7 (8.9%)	4,900
ITQ	0.6 (8.8%)	1,160,100

HNX Top 5 theo % giảm

DNC	-1.1 (-10.0%)	100
HBE	-0.6 (-10.0%)	200
SDB	-0.3 (-10.0%)	27,900
SVN	-2.1 (-9.9%)	100
HAT	-4.9 (-9.8%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	13,6 tỷ	491,100
VCG	6,8 tỷ	469,400
DBC	2,9 tỷ	130,000
PVG	2,3 tỷ	169,300
SCR	1,8 tỷ	185,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVX	-2,7 tỷ	500,800
PVI	-1,6 tỷ	82,700
PGS	-1,0 tỷ	32,800
KLS	-0,7 tỷ	56,700
DCS	-0,5 tỷ	80,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,109,780	28.67

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán lan rộng, đà bán tháo xuất hiện ở nhiều mã cổ phiếu. HNX-Index có thời điểm mất hơn 3%, dù vậy thì cuối phiên chỉ số này có thu hẹp đà giảm.
- ▶ Khối lượng gia tăng, đạt 94 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn khá nhiều so với bình quân 20p gần đây.
- ▶ Ngưỡng 84 - 85 điểm của HNX-Index đã bị phá vỡ. HNX-Index đang ở vùng Bollinger Bands dưới, nhiều khả năng HNX-Index sẽ hồi phục nhẹ ở phiên tới.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 28 tỷ trong phiên hôm nay. Lực bán của khối ngoại có thể vẫn còn diễn ra nhưng sẽ không tác động quá nhiều tới HNX-Index.
- ▶ Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Việc mua mới chỉ dành cho nhà đầu tư ưa mạo hiểm và tập trung vào các mã có yếu tố cơ bản tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.8	15,481.46	18.8	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	27.5	12,284.26	7.7	1.5	21.6%	7.0%
SHB	886.1	10.6	9,392.48	11.3	0.9	8.6%	0.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	313.7	6.5	-2.0%	-1.7%
VCG	441.7	14.5	6,404.80	13.2	1.2	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	29.9	2.4	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.4	4,373.03	13.4	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	42.3	3,292.29	7.7	2.4	34.3%	16.1%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	24.8%	16.7%
VNR	100.8	29.5	2,974.42	9.4	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	30.7	1,166.60	6.9	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	20.8	411.84	7.8	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	17.0	1,647.92	14.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	16.9	845.00	11.3	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	49.0	385.87	6.9	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	15.35%	94.5	150.33	4.91	218,952	589,264	418,689
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	14.46%	66.0	9.18	4.27	713,934	677,668	413,013
HPG	HOSE	419.1	22,628.84	11.74%	54.0	11.69	2.40	890,854	1,243,934	815,725
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	8.68%	81.5	11.08	2.31	454,465	645,552	495,551
DPM	HOSE	379.9	13,601.65	8.01%	35.8	6.48	1.49	2,991,377	1,929,488	1,213,432
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	7.98%	26.5	21.29	1.53	3,428,217	4,403,362	4,781,152
VCB	HOSE	2,317.4	68,132.06	6.11%	29.4	15.95	1.64	768,089	1,024,711	1,071,890
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	4.13%	19.0	9.81	1.30	522,945	1,278,075	1,040,824
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	3.08%	40.4	25.30	2.37	406,185	550,558	585,855
ITA	HOSE	718.1	6,462.67	2.71%	9.0	67.31	0.87	10,775,561	12,977,299	11,014,149
HSG	HOSE	96.3	5,008.28	2.68%	52.0	9.27	2.23	189,962	271,320	336,691
GMD	HOSE	114.4	3,489.86	2.26%	30.5	19.21	0.83	189,895	439,304	478,900
PPC	HOSE	318.2	6,999.40	2.03%	22.0	4.39	1.33	717,577	1,233,168	1,254,549
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	16.97	1.30	764,150	1,320,216	1,213,134
CSM	HOSE	67.3	2,631.12	1.64%	39.1	7.66	2.26	453,177	685,801	806,597
KBC	HOSE	289.8	3,419.17	1.48%	11.8	49.16	0.88	1,051,844	1,587,782	1,547,129
DRC	HOSE	83.1	3,613.71	1.33%	43.5	9.71	2.64	454,401	492,313	463,367
PVT	HOSE	232.6	3,395.96	1.18%	14.6	14.67	1.25	1,211,927	2,409,109	2,542,847
DIG	HOSE	143.0	2,502.42	1.01%	17.5	46.23	1.06	833,026	1,010,069	978,505
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	0.91%	11.3	65.00	1.12	3,038,593	4,619,234	3,364,149
PET	HOSE	69.8	1,299.06	0.87%	18.6	8.81	1.13	520,709	914,753	978,975

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,284.26	5.37%	27.5	7.66	1.53	2,733,546	4,124,119	3,059,764
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	8.00%	66.0	9.18	4.27	713,934	677,668	413,013
VCB	HOSE	2,317.4	68,132.06	7.00%	29.4	15.95	1.64	768,089	1,024,711	1,071,890
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	6.50%	40.4	25.30	2.37	406,185	550,558	585,855
DPM	HOSE	379.9	13,601.65	5.79%	35.8	6.48	1.49	2,991,377	1,929,488	1,213,432
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	4.26%	19.0	9.81	1.30	522,945	1,278,075	1,040,824
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	3.22%	81.5	11.08	2.31	454,465	645,552	495,551
ITA	HOSE	718.1	6,462.67	3.73%	9.0	67.31	0.87	10,775,561	12,977,299	11,014,149
SHB	HNX	886.1	9,392.48	2.86%	10.6	11.27	0.92	8,929,205	12,010,015	10,139,038
PPC	HOSE	318.2	6,999.40	1.58%	22.0	4.39	1.33	717,577	1,233,168	1,254,549
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	2.33%	11.3	65.00	1.12	3,038,593	4,619,234	3,364,149
GMD	HOSE	114.4	3,489.86	1.62%	30.5	19.21	0.83	189,895	439,304	478,900
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	8.00%	94.5	150.33	4.91	218,952	589,264	418,689
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	2.83%	26.5	21.29	1.53	3,428,217	4,403,362	4,781,152
DRC	HOSE	83.1	3,613.71	1.28%	43.5	9.71	2.64	454,401	492,313	463,367
VCG	HNX	441.7	6,404.80	3.58%	14.5	13.18	1.16	2,363,101	3,551,697	4,006,354
PVT	HOSE	232.6	3,395.96	2.05%	14.6	14.67	1.25	1,211,927	2,409,109	2,542,847

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	0.00%	66.0	9.18	4.27	713,934	677,668	413,013
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.00%	94.5	150.33	4.91	218,952	589,264	418,689
DPM	HOSE	379.9	13,601.65	0.00%	35.8	6.48	1.49	2,991,377	1,929,488	1,213,432
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	0.00%	26.5	21.29	1.53	3,428,217	4,403,362	4,781,152
VCB	HOSE	2,317.4	68,132.06	0.00%	29.4	15.95	1.64	768,089	1,024,711	1,071,890
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.00%	19.0	9.81	1.30	522,945	1,278,075	1,040,824
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.00%	40.4	25.30	2.37	406,185	550,558	585,855
CTG	HOSE	3,723.4	59,574.47	0.00%	16.0	8.91	1.12	828,035	1,155,104	1,243,388
GAS	HOSE	1,895.0	171,497.50	0.00%	90.5	14.34	5.28	507,384	378,891	468,614

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.81%	94.5	150.33	4.91	218,952	589,264	418,689
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	0.55%	66.0	9.18	4.27	713,934	677,668	413,013
DPM	HOSE	379.9	13,601.65	0.26%	35.8	6.48	1.49	2,991,377	1,929,488	1,213,432
VCB	HOSE	2,317.4	68,132.06	0.20%	29.4	15.95	1.64	768,089	1,024,711	1,071,890
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.14%	19.0	9.81	1.30	522,945	1,278,075	1,040,824
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.10%	40.4	25.30	2.37	406,185	550,558	585,855

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,597	6.7	1.0	15.3%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,885	7.2	1.6	23.7%	17.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,966	32.1	0.8	1.9%	1.4%
Sản xuất giấy	845	9.4	0.8	10.2%	5.1%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,489	19.0	2.0	17.5%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,062	4.9	0.9	19.0%	4.0%
Khai khoáng	12,366	47.7	4.9	3.0%	2.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,649	21.6	1.5	17.0%	9.0%
Xây dựng	32,595	59.9	1.2	0.2%	1.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,510	8.2	1.3	18.6%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	426	4.6	0.9	20.4%	14.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,690	10.3	1.0	8.7%	4.6%
Thiết bị điện	1,713	15.8	0.7	-1.3%	-1.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	23.4	0.6	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	8,741	7.6	1.4	19.3%	13.0%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,173	2.7	1.0	4.6%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,539	11.8	1.5	17.3%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,174	10.2	1.4	15.6%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,256	14.4	1.3	8.9%	2.0%
Đào tạo & Việc làm	236	34.7	0.7	3.5%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.8	10.4%	4.5%
Chất thải & Môi trường	138	2.1	0.8	33.5%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,094	24.2	1.7	13.6%	8.5%
Lốp xe	6,971	8.7	2.4	30.0%	13.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,515	7.7	1.2	15.7%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	249	10.9	1.8	18.3%	13.4%
Đồ uống & giải khát	264	7.2	1.3	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,720	14.7	1.3	11.7%	5.8%
Thực phẩm	211,464	23.6	5.6	24.6%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	55	108.3	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,291	8.2	1.0	13.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	157	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,113	8.7	1.5	17.3%	7.0%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,182	10.7	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	4.1	1.1	-6.6%	2.8%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	881	20.3	0.9	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	139	3.2	1.6	32.6%	12.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	156	10.0	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,294	13.4	3.5	26.5%	17.2%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	680	12.4	1.1	12.1%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,455	9.1	1.6	19.6%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,089	8.8	1.0	13.2%	8.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,750	29.7	2.4	7.3%	3.4%
Dịch vụ giải trí	2,184	16.2	1.4	13.9%	11.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,227	33.9	2.4	15.7%	14.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	597	19.1	0.7	3.7%	1.3%
Internet	289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,724	12.2	2.7	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	411	14.0	0.7	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	262	5.3	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,248	13.9	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,924	7.6	1.2	18.4%	8.9%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	182,585	14.0	5.2	39.8%	25.1%
Nước	1,234	6.5	1.1	17.1%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,248	10.3	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,829	12.1	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,823	9.4	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,784	25.3	2.4	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,600	65.0	1.1	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	27,564	25.7	1.6	7.0%	5.1%
Ngân hàng					
Ngân hàng	258,897	11.5	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	144,817	13.1	2.6	30.2%	6.5%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,056	9.6	2.0	21.7%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.